

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TP. BUÔN MA THUẬT  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2021/HS-ST

Ngày 02/4/2021

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Đình Thanh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hoàng Văn Mâm.

2. Ông Hoàng Việt Thống.

*Thư ký phiên tòa:* Ông Bùi Văn Cảnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma thuật, tỉnh Đắk Lắk.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuật, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Ông Lê Việt Bình, Kiểm sát viên.

Ngày 02/4/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuật, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 47/2021/HS-ST ngày 26/02/2021, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2021/QĐXXST-HS ngày 08/3/2021, quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2021/HSST-QĐ ngày 18/3/2021 đối với các bị cáo:

**1. Họ và tên: Trần Bảo H**, sinh ngày 02 tháng 01 năm 1998; Tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Tổ dân phố 7, phường Bình T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Trần Đức D, sinh năm 1974; Con bà Nguyễn Thị Thủy T, sinh năm 1976; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: 01.

Nhân thân: Ngày 28/10/2016, bị Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, xử phạt 01 năm 03 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự, tại Bản án số 41/2016/HSST. Ngày 19/6/2017 chấp hành xong hình phạt tù, Bị cáo đã được xóa án tích.

Ngày 03/7/2020 bị Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Đắk Lắk ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 24 tháng, về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, Bị cáo chưa chấp hành xong biện pháp hành chính.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố B, từ ngày 20/9/2020 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

**2. Họ và tên: Phan Long H11 (tên gọi khác: Bi Bò),** sinh ngày 10 tháng 7 năm 1986; tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Tổ dân phố 8, phường An L, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Phan B, sinh năm: 1962; Con bà Nguyễn Thị C, sinh năm: 1963; Bị cáo có vợ là chị Lê Thị Huyền T, sinh năm 1989, có 01 con sinh năm 2010; Tiền án: 01; Tiền sự: 01.

Nhân thân: Ngày 30/11/2006, bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk, xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 12 tháng, về tội Trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự, xử phạt 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 12 tháng, về hành vi Lam dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự. Buộc phải chấp hành hình phạt là 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 24 tháng, tại Bản án số 63/2006/HSST. Bị cáo đã được xóa án tích.

Ngày 25/10/2011 bị Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, xử phạt 03 năm tù về tội Cố ý gây thương tích, quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự, tại Bản án số 56/2011/HSST. Ngày 06/11/2012 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm tuyên phạt 02 năm 06 tháng tù, về tội Cố ý gây thương tích, quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự, tại Bản án số 10/2011/HSPT. Ngày 31/8/2015 chấp hành xong hình phạt tù về địa phương sinh sống. Bị cáo chưa được xóa án tích.

Ngày 26/8/2015 bị Tòa án nhân dân H1ện Kk, tỉnh Đắk Lắk, xét xử 09 tháng tù, về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự, tại Bản án số 41/2015/HSST. Ngày 03/3/2016 chấp hành xong hình phạt tù về địa phương sinh sống. Bị cáo đã được xóa án tích.

Ngày 14/6/2017 bị Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Đắk Lắk ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 24 tháng, về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Ngày 14/5/2020 bị Công an thị xã B, tỉnh Đắk Lắk ra quyết định xử phạt vi phạm hành C1h số tiền 1.500.000 đồng về hành vi Trộm cắp tài sản. Bị cáo chưa chấp hành xong biện pháp hành C1h.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/7/2020, hiện đang tạm tại nhà tạm giữ Công an thành phố B; có mặt tại phiên tòa.

**3. Họ và tên: Trương Hoàng S (tên gọi khác: Ty),** sinh ngày 05 tháng 6 năm 1993; Tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: phường Thành N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Trương Văn C, sinh năm 1961; Con bà Võ Thị H, sinh năm 1965; Bị cáo có vợ là chị Lưu Thị Uyên M, sinh năm 1993, có 01 con sinh năm 2016; Tiền án: 01; Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 24/02/2011 bị Công an phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ra quyết định xử phạt vi phạm hành C1h số tiền 750.000 đồng về hành vi Gây rối trật tự công cộng. Bị cáo đã chấp hành xong biện pháp hành C1h.

Ngày 26/10/2017 bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, xét xử 02 năm tù, về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự, tại Bản án số 246/2017/HSST. Ngày 16/3/2019 chấp hành xong hình phạt tù về địa phương sinh sống. Bị cáo chưa được xóa án tích.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giam nhà tạm giữ Công an thành phố B từ ngày 09/01/2021 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

**4. Họ và tên: Nguyễn Thị Diệu H3**, sinh ngày 23 tháng 3 năm 2001, tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: phường Thống N, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: V Nam.

Con ông (chưa rõ họ tên); Con bà Nguyễn Thị Kim Chi, sinh năm 1969; bị cáo chưa có chồng, có con sinh năm 2021; Tiền án: Không; Tiền sự: 01.

Nhân thân: Ngày 18/5/2020 bị Công an thị xã B, tỉnh Đắk Lắk ra Quyết định xử phạt vi phạm hành C1h số tiền 750.000 đồng về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy. Bị cáo chưa chấp hành xong biện pháp hành chính.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

**Bị hại:**

**1.** Ông Trương Sĩ H, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Buôn M, thị trấn E, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

**2.** Ông Nguyễn Phi L, sinh năm 1999; Nơi cư trú: Tổ dân phố 7, phường Bình T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

**3.** Ông Trần M, sinh năm 1976; Nơi cư trú: Tổ dân phố 7, phường Bình T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

**4.** Bà Ngô Thị T, sinh năm 1980; Nơi cư trú: phường Tân L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

**5.** Bà H2 Thị B, sinh năm 1980; Nơi cư trú: phường Tự A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

**6.** Bà Nguyễn Thị Hương G, sinh năm 1975; Nơi cư trú: phường Tân T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

**7.** Ông Lê Đức V, sinh năm 1994; Nơi cư trú: Thôn Hòa T, xã Hòa Đ, H1ện K, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

**1.** Ông Huỳnh Ngọc T, sinh năm 1994; Nơi cư trú: Tổ dân phố 9, phường An, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

**2.** Ông Dương Hồng L, sinh năm 2000; Nơi cư trú: Thôn 5, xã Cư D, H1ện C, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

**3.** Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1963; Nơi cư trú: Tổ dân phố 8, phường An L, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1992; Nơi cư trú: phường Tân T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

5. Ông Hồ Ái Q, sinh năm 1993; Nơi cư trú: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

6. Ông H2 Anh D, sinh năm 1985; Nơi cư trú: phường Tân T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

7. Bà Lê Thị H sinh năm 1990; Nơi cư trú: phường Tân T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

8. Ông Trần Chiến T, sinh năm 1980; Nơi cư trú: phường Thành N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

9. Ông Phùng Hữu H, sinh năm 1996; Nơi cư trú: phường Tân T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

10. Ông Phạm Quốc V, sinh năm 1981; Nơi cư trú: phường Tân T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

11. Bà Nguyễn Trần Thục L, sinh năm 1994; Nơi cư trú: phường Thành N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

12. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1975; Nơi cư trú: Tổ dân phố 8, phường Thành N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

13. Ông Trần Phương Bảo N, sinh năm 2001; Nơi cư trú: Tổ dân phố 7, phường Bình T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

14. Ông Lê Văn Thế H, sinh năm 1996; Nơi cư trú: Thôn S B, xã Thượng L, H1ện C, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

15. Bà Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1971; Nơi cư trú: Tân H, phường Thống N, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Trong khoảng thời gian từ ngày 26/6/2020 đến ngày 15/9/2020 tại địa bàn thành phố B, thị xã B và huyện E, tỉnh Đắk Lắk, Trần Bảo H, Trương Hoàng S, Nguyễn Thị Diệu H3 là những người nghiện chất ma túy và Phan Long H11 đã thực hiện hành vi phạm tội như sau:

**Vụ thứ nhất:** Khoảng 23 giờ ngày 26/6/2020, Phan Long H11 điều khiển xe mô tô biển số 47R1-3681, nhãn hiệu Honda Wave, màu đỏ, chở Trần Bảo H đi tìm tài sản trộm cắp. H mang theo 01 tua-vít, mũi hình dẹp, dài khoảng 15cm để làm công cụ phá khóa. Đến khoảng 01 giờ sáng ngày 27/6/2020, khi đi ngang qua nhà anh Trương Sĩ H, H thấy cửa cổng và cửa chính của ngôi nhà đóng, sân nhà sáng đèn, đường luồng bên trái hông nhà có dựng chiếc xe mô tô biển số 47F1-190.61, hiệu Yamaha Exciter, màu trắng xanh, không có người quản lý nên H nói với H1 “Xe Exciter, xe Exciter”, nghĩa là trộm cắp chiếc xe Exciter nên H1 dừng xe mô tô biển số 47R1-3681 trước cổng nhà anh H2 đứng ngoài cánh giới còn H đi đến tường rào tháo gỡ lưới B40 phía bên trái nhà anh H2 đi vào bên trong dắt chiếc xe mô tô biển số 47F1-190.61 ra sân nhà. Do cổng sắt nhà anh H2 khóa nên H gọi H1 vào rồi

không chiếc xe mô tô biển số 47F1-190.61 trộm cắp ra ngoài đường. H dùng tua-vít phá ổ khóa điện của xe mô tô trộm cắp rồi điều khiển xe mô tô biển số 47F1-190.61, H1 điều khiển xe mô tô biển số 47R1-3681 đi đến phòng trọ do H thuê ở tại đường Y Ngông, thành phố B, cất giấu cùng tua-vít tại đây. Sau đó H tháo nhãn mác xe mô tô Yamaha Exciter vừa trộm cắp để tránh bị phát hiện. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, H và H1 điều khiển xe mô tô biển số 47F1-190.61 trộm cắp đi đến khu vực hồ E, thành phố B. Tại đây H tháo biển số 47F1-190.61 của xe mô tô trộm cắp rồi gắn biển số 47H1-257.06 rồi vít biển số 47F1-190.61 tại khu vực gần hồ E. Sau đó, H sử dụng chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter trộm cắp gắn biển số 47H1-257.06 làm phương tiện đi lại. Đến ngày 01/7/2020, Phan Long H11 gặp anh Huỳnh Ngọc T nhờ tìm địa điểm bán xe mô tô biển số 47H1-257.06 thì anh T đồng ý. Đến sáng ngày 02/7/2020, anh T cùng H1 đi đến tổ dân phố 3A, thị trấn Q, huyện C, gặp Dương Hồng L để bán xe. Tại đây, H1 và L thống nhất bán chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha - Exciter trộm cắp gắn biển số 47H1-257.06 với số tiền 6.000.000 đồng. Số tiền này H1 chia cho H 1.500.000 đồng, H1 giữ lại 4.500.000 đồng để tiêu xài cá nhân hết. Sau khi, bị trộm cắp tài sản anh Trương Sĩ H2 làm đơn trình báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện E, tỉnh Đắk Lắk để xử lý theo quy định của pháp luật. Ngày 02/7/2020, Dương Hồng L bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk bắt giữ về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy và tạm giữ chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha - Exciter, màu trắng xanh, gắn biển số 47H1-257.06, là vật chứng vụ án để phục vụ công tác điều tra.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 38/KLĐG ngày 08/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện E, tỉnh Đắk Lắk kết luận: Xe mô tô biển số 47F1-190.61, nhãn hiệu Yamaha - Exciter, màu xanh trắng, số máy: 55P1-364715, số khung: 5P10EY364702, đã qua sử dụng, trị giá 15.000.000 đồng.

**Vụ thứ hai:** Khoảng 17 giờ ngày 22/7/2020, anh Nguyễn Phi L, điều khiển chiếc xe mô tô biển số 38C1-319.61, nhãn hiệu Honda - MSX 125J, màu S: Đỏ - Đen, đến nhà Trần Bảo H chơi. Tại đây, H hỏi mượn chiếc xe mô tô trên của anh L để đi đến nhà bà ngoại H thì anh L đồng ý. H điều khiển chiếc xe mô tô biển số 38C1-319.61 đi đến nhà bà ngoại H nhưng không gặp ai. Sau đó, H không đem xe mô tô biển số 38C1-319.61 về trả cho L mà tiếp tục điều khiển xe đi chơi game. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, do hết tiền chơi game nên H nảy sinh ý định đem chiếc xe mô tô biển số 38C1-319.61 của anh L đi cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân. H điều khiển chiếc xe mô tô biển số 38C1-319.61 đến gặp anh Nguyễn Văn T hỏi mượn số tiền 15.000.000 đồng và để lại chiếc xe mô tô làm tin, hẹn 10 ngày sau trả thì anh T đồng ý. Số tiền này H đã tiêu xài cá nhân hết. Sau khi, bị chiếm đoạt xe mô tô anh L đã làm đơn trình báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B để giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngày 25/7/2020 anh T đã tự nguyện giao nộp chiếc xe mô tô biển số 38C1-319.61 cho Cơ quan điều tra để phục vụ công tác điều tra.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 36/HĐĐG ngày 30/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã B, tỉnh Đắk Lắk kết luận: Xe mô tô biển số 38C1-319.61, nhãn hiệu HONDA, loại xe MSX 125J, màu sơn: Đỏ-Đen, số

khung: 7594J5102740, số máy: JC75E2108637, đã qua sử dụng, trị giá: 37.650.000 đồng.

**Vụ thứ ba:** Khoảng 23 giờ ngày 23/8/2020, Trần Bảo H đến nhà ông Trần M T1 để hỏi công việc thì thấy cửa cổng không khóa, H đẩy cửa đi vào trong sân nhà gọi không thấy ai ra mở cửa nên H đi đến nhà kho của ông T1. Thấy cửa nhà kho không khóa, H đẩy cửa đi vào thì thấy bên trong có chiếc xe mô tô biển số 47C1-363.31, nhãn hiệu: HONDA, loại xe: WAVE; màu sơn: Trắng-Đen-Bạc, dựng chân chống nghiêng, không có người trông coi nên H nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô. H dùng tay rút ổ dây điện trước cổ xe, dắt xe ra đường rồi nổ máy điều khiển xe tẩu thoát về hướng thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Trên đường đi, H kiểm tra trong cốp xe gồm có: 01 bản sao giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, 01 bảo hiểm xe mô tô, 01 giấy bảo hành xe và 01 giấy mua bán xe, đều mang tên Trần Phương Bảo Nguyên. Đến khoảng 17 giờ ngày 24/8/2020, H nhờ Trương Hoàng S tìm nơi cầm cố chiếc xe mô tô biển số 47C1-363.31 trộm cắp được thì S đồng ý, H không nói cho S biết xe mô tô biển số 47C1-363.31 là do phạm tội mà có. S cùng H đến gặp anh Trần Chiến T, H hỏi mượn anh T số tiền 3.000.000 đồng và để lại chiếc xe mô tô biển số 47C1-363.31 làm tin, hẹn hôm sau quay lại lấy thì anh T đồng ý. Sau đó, H nói với S muốn bán chiếc xe mô tô trên nên S giới thiệu anh Hồ Ái Quốc để mua xe. Anh Quốc tiếp tục giới thiệu vợ chồng anh H2 Anh D và chị Lê Thị H, mua xe mô tô thì anh D, chị H đồng ý mua chiếc xe mô tô biển số 47C1-363.31 với số tiền 6.000.000 đồng. Đến khoảng 16 giờ ngày 25/8/2020, anh D và anh Q đến gặp H và S lấy xe thì H dẫn cả hai đến gặp anh T để trao đổi việc mua bán xe. Tại đây, anh D đưa trước cho H 3.000.000 đồng để lấy xe rồi H đem chiếc xe mô tô biển số 47C1-363.31 trên về nhà anh D viết giấy mua bán xe. Quá trình mua bán xe, H nói với anh D chiếc xe mô tô trên là của H đứng tên đăng ký chủ sở hữu Trần Phương Bảo Nguyên, anh D yêu cầu cung cấp giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu thì H hẹn sẽ cung cấp sau nên anh D đưa thêm cho H số tiền 2.000.000 đồng và nói khi nào H cung cấp đầy đủ giấy tờ xe mô tô biển số 47C1-363.31 thì sẽ đưa hết số tiền còn lại. Toàn bộ số tiền trên H đã tiêu xài cá nhân hết. Sau khi bị trộm cắp xe mô tô anh Trần Minh T1 làm đơn trình báo đến Cơ quan điều tra để giải quyết. Ngày 29/9/2020 chị Lê Thị H tự nguyện giao nộp xe mô tô biển số 47C1-363.31, nhãn hiệu: HONDA, loại xe: WAVE; màu S: Trắng-Đen-Bạc và giấy tờ xe mô tô cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B để phục vụ công tác điều tra.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 33/HĐĐG ngày 25/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã B, tỉnh Đắk Lắk kết luận: Xe mô tô biển số 47C1-363.31, nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE, màu S: Trắng-Đen-Bạc, số khung: 3919LY114468, số máy: JA39E1452409, đã qua sử dụng, trị giá 17.266.000 đồng.

**Vụ thứ tư:** Khoảng 02 giờ sáng ngày 07/9/2020, Trần Bảo H, Nguyễn Thị Diệu H3 và Trương Hoàng S cùng nhau đến thuê phòng tại khách sạn Anh L, do chị Ngô Thị T là quản lý. Đến khoảng 21 giờ ngày 08/9/2020, khi S và H3 đi chơi game tại tiệm internet khu vực đầu đường P, thành phố B, còn H ngồi xem điện thoại tại cầu thang của khách sạn Anh L thì thấy chị Ngô Thị T đi lên phòng H để sửa vòi

nước nên H nảy sinh ý định xuống quầy lễ tân tìm tài sản trộm cắp. H đi vào quầy lễ tân, lấy chìa khóa trên bàn mở hộc tủ ngăn kéo thì thấy bên trong có 01 xấp tiền để trong phong bì và 01 xấp tiền để bên ngoài với nhiều mệnh giá khác nhau. H lấy trộm 02 xấp tiền này sau đó rời lên phòng lấy hành lý, đi ra khỏi khách sạn và gọi taxi tẩu thoát. Trong lúc chờ taxi, H kiểm đếm số tiền trộm cắp được là 3.200.000 đồng. Sau đó, H đi xe taxi được một đoạn thì gặp S và H3 đang trên đường về khách sạn nên gọi cả hai lên xe. Trên đường đi, H nói với S “Em mới lấy trộm được tiền ở quầy lễ tân được khoảng 3.000.000đồng”. S hỏi lại “Lấy được bao nhiêu?”, H trả lời “Em lấy được khoảng 02 triệu mấy 03 triệu đồng”. Lúc này, H3 ngồi trên xe taxi nghe S và H nói với nhau về việc H trộm cắp được số tiền trên tại quầy lễ tân của khách sạn Anh L, nên khi đến quán ăn tối trên đường N, thành phố N, H3 hỏi H “Tiền đâu ra mà nhiều vậy?”, H đưa cho H3 và S xem số tiền trộm cắp được rồi nói cho cả hai biết “Lấy trộm được ở quầy lễ tân khách sạn Anh L”. Sau đó, H, S và H3 thống nhất lấy hết số tiền vừa trộm cắp trả tiền thuê khách sạn, ăn uống, chơi game và đưa tiền cho S đi mua ma túy cùng nhau sử dụng hết.

**Vụ thứ năm:** Khoảng 17 giờ ngày 09/9/2020, Trần Bảo H, Nguyễn Thị Diệu H3 và Trương H2 S thuê phòng số 203 và 201 tại Nhà nghỉ K do chị Hoàng Thị B làm chủ. Đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, H một mình đi ra ngoài thì thấy cửa phòng số 102 của nhà nghỉ mở hé cửa nên H nảy sinh ý định vào phòng trộm cắp tài sản. H đi vào trong phòng lén lút trộm cắp: 01 máy tính bảng hiệu Ipad 2, dung lượng 16Gb, màu bạc và 01 chiếc đồng hồ đeo tay hiệu Apple Watch Series 4, dây đeo bằng cao su, màu đen đang để trên đầu giường rồi đi về phòng 201 cất giấu. Sau đó, H vứt bỏ đồng hồ tại phòng 201, đem theo chiếc Ipad rồi rủ H3 và S đến tiệm internet AT Net, do anh Huỳnh Ngọc T là quản lý để chơi game. Khi chơi game xong, H, S và H3 đến Nhà nghỉ N, thuê phòng ở. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, H gọi xe taxi Mai L biển số 47A-254.14, do anh Phùng Hữu H, điều khiển xe đi đến Nhà nghỉ N chở H đi tìm nơi cầm cố chiếc Ipad trên nhưng không tìm được. H không có tiền trả tiền taxi nên H bán chiếc Ipad cho anh H được số tiền 900.000 đồng, số tiền này H một mình tiêu xài cá nhân hết. Sau đó, anh H mang chiếc Ipad nêu trên đến dịch vụ cầm đồ 262, tại phường EaTam, thành phố B, bán cho anh Phạm Quốc V là chủ quản lý, được số tiền 700.000 đồng. Sau đó, anh V đã bán chiếc Ipad trên cho khách hàng (chưa rõ nhân thân lai lịch) nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 236/KLĐG ngày 02/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B, kết luận: 01 máy tính bảng hiệu Ipad 2, dung lượng 16Gb, màu bạc, đã qua sử dụng, trị giá 2.500.000 đồng; 01 chiếc đồng hồ đeo tay hiệu Apple Watch Series 4, dây đeo bằng cao su, màu đen, đã qua sử dụng, trị giá 2.400.000 đồng. Tổng giá trị tài sản trộm cắp là 4.900.000 đồng.

**Vụ thứ sáu:** Vào khoảng 09 giờ ngày 14/9/2020, Trần Bảo H, Nguyễn Thị Diệu H3 và Trương Hoàng S cùng đến thuê phòng số 210 tại Nhà nghỉ 999, tại phường Tân T, do chị Nguyễn Thị Hương G là quản lý để ở. Đến khoảng 13 giờ 40 phút cùng ngày, H đi xuống quầy lễ tân của nhà nghỉ để hỏi nước uống thì thấy chị Võ Tổng Tiểu L đang ngủ trên giường xếp trong quầy, trên mặt bàn lễ tân có 01

chùm chìa khóa. H lén lút đi đến lấy chùm chìa khóa mở hộc ngăn kéo tủ của quầy lễ tân thì thấy 01 xấp tiền với nhiều mệnh giá khác nhau và 02 chứng M nhân dân của người thuê phòng mang tên Nguyễn Nhật T và Phùng Thế M. H một mình lén lút lấy trộm tiền và 02 chứng M nhân dân rồi lên phòng rủ H3 và S đi đến tiệm internet, chơi game. Tại đây, H một mình kiểm đếm số tiền trộm cắp được là 3.200.000 đồng. Số tiền này H không nói cho S, H3 biết là do trộm cắp mà có. H một mình đi mua ma túy sử dụng, trả tiền chơi game và tiêu xài cá nhân hết.

**Vụ thứ bảy:** Sau khi trộm cắp tài sản và các giấy tờ tại Nhà nghỉ 999 của chị Nguyễn Thị Hương G, Trần Bảo H đã làm rơi chứng M nhân dân mang tên Phùng Thế M. Đến ngày ngày 14/9/2020, Trần Bảo H và Trương Hoàng S đã sử dụng chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Nhật T (là tài sản trộm cắp vụ thứ sáu), đến thuê phòng 305 tại Nhà nghỉ H, tại số: phường Tân A, thành phố B. Đến khoảng 03 giờ sáng ngày 15/9/2020, H một mình đi xuống quầy lễ tân thấy anh Lê Đức V là nhân viên lễ tân đang nằm ngủ trong quầy, tại đầu giường có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F1, dung lượng 16Gb, màu vàng nhạt và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu XiaoMi Redmi8, dung lượng 64Gb, màu đen, nên H nảy sinh ý định trộm cắp 02 chiếc điện thoại này. H đi lên phòng 305 rủ S đi chơi game thì S đồng ý nên H nói “Anh đi xuống gọi taxi đi rồi em xuống sau”. Khi S đi ra ngoài gọi xe taxi thì H đi vào trong quầy lễ tân lén lút trộm cắp 02 chiếc điện thoại có đặc điểm nêu trên bỏ vào túi quần sau của H đang mặc trên người, rồi đi ra xe taxi ngồi cùng S. Trên đường đi, S hỏi H “Cái gì vậy?” thì H trả lời “Em vừa lấy trộm được hai chiếc điện thoại di động tại quầy lễ tân của nhà nghỉ” rồi cả hai đi đến tiệm internet chơi game. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, H và S cùng đi taxi đến tiệm cầm đồ địa chỉ: phường Thành N, thành phố B, do chị Nguyễn Trần Thực L là quản lý, viết giấy cầm cố chiếc điện thoại di động nhãn hiệu XiaoMi Redmi8, màu đen với số tiền 1.500.000 đồng, số tiền này H và S trả tiền thuê khách sạn, chơi game và cùng tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 16/9/2020, H cùng 01 nam thanh niên tên Sang (Chưa rõ nhân thân lai lịch) đi đến tiệm cầm đồ của chị L xin chuộc lại chiếc điện thoại nhãn hiệu XiaoMi Redmi8, màu đen và H đưa cho Sang sử dụng. Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F1, màu vàng nhạt, do không có tiền nên H đưa cho ông Nguyễn Văn C, là chủ Nhà nghỉ T, để trả tiền thuê phòng là 300.000 đồng. Anh Lê Đức V đã giao nộp 01 chứng M nhân dân mang tên Nguyễn Nhật T, ông Nguyễn Văn C đã tự nguyện giao nộp chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F1, màu vàng nhạt là các vật chứng vụ án để phục vụ công tác điều tra.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 235/KLĐG ngày 02/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B, kết luận: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F1, dung lượng 16Gb, màu vàng nhạt, đã qua sử dụng, trị giá 700.000 đồng và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu XiaoMi Redmi8, dung lượng 64Gb, màu đen, đã qua sử dụng, trị giá 1.950.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 2.650.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 90/CT-VKS - HS ngày 26/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố bị cáo Trần Bảo H về tội Lạm dụng tín



nhệm chiếm đoạt tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự và tội Trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Truy tố bị cáo Phan Long H13 về tội Trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Truy tố các bị cáo Trương Hoàng S, Nguyễn Thị Diệu H3 về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Trần Bảo H, Phan Long H11, Trương Hoàng S, Nguyễn Thị Diệu H3 đều khai nhận: Hành vi phạm tội của các bị cáo như bản Cáo trạng nêu trên là đúng, quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, những lời khai đó là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung nhục hình gì.

Những lời khai, yêu cầu của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại Cơ quan điều tra là khách quan, đầy đủ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 2 Điều 173, điểm h, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Bảo H mức án từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù, về tội trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 175, điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Bảo H mức án từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù, về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt của 02 tội bị cáo phải chấp hành 04 năm 06 tháng đến 05 năm 06 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Đề nghị xử phạt bị cáo Phan Long H11 mức án từ 15 tháng đến 18 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Đề nghị xử phạt bị cáo Trương Hoàng S mức án từ 15 đến 18 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm i, n, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Diệu H3 mức án từ 06 đến 09 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự:

Chấp nhận việc ông Trương Sỹ H2 không yêu cầu bị cáo H, H1 bồi thường số tiền chi phí làm lại hàng rào, ổ điện khóa xe mô tô bị phá; ông Trần Chiến T đã nhận lại số tiền 3.000.000 đồng, không yêu cầu gì thêm; bà Ngô Thị T không yêu cầu bị cáo H bồi thường số tiền thuê khách sạn là 600.000 đồng; ông Phùng Hữu H không yêu cầu bị cáo H bồi thường số tiền 900.000 đồng tiền mua Ipad 2; bà Nguyễn Trần Thục L không yêu cầu bị cáo H bồi thường số tiền 1.500.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Buộc bị cáo Trần Bảo H và Phan Long H11 có trách nhiệm liên đới bồi thường cho ông Dương Hồng L số tiền 6.000.000 đồng. Được chia phần cụ thể bị

cáo Trần Bảo H bồi thường số tiền 3.000.000 đồng và bị cáo Phan Long H11 bồi thường số tiền 3.000.000 đồng.

Buộc các bị cáo Trần Bảo H, Nguyễn Thị Diệu H3, Trương Hoàng S phải liên đới bồi thường cho bà Ngô Thị T số tiền là 3.200.000 đồng. Được chia phần chịu thể bị cáo Trần Bảo H bồi thường số tiền 1.067.000 đồng; bị cáo Nguyễn Thị Diệu H3 bồi thường số tiền 1.067.000 đồng và bị cáo Trương Hoàng S bồi thường số tiền 1.067.000 đồng.

Buộc bị cáo Trần Bảo H phải bồi thường cho ông Nguyễn Văn T số tiền là 15.000.000 đồng; cho ông H2 Anh D và bà Lê Thị H số tiền là 5.000.000 đồng; cho bà H2 Thị B số tiền là 4.900.000 đồng; cho bà Nguyễn Thị Hương G số tiền là 3.200.000 đồng; cho ông Lê Đức V số tiền là 1.950.000 đồng; cho ông Nguyễn Văn C số tiền là 300.000 đồng.

Về xử lý vật chứng:

Chấp nhận việc Cơ quan điều tra trả lại: Cho ông Trương Sĩ H2 01 xe mô tô không gắn biển số, nhãn hiệu Yamaha - Exciter, màu xanh trắng, số máy: 55P1-364715, số khung: 5P10EY364702; cho ông Nguyễn Phi L 01 xe mô tô biển số 38C1-319.61, nhãn hiệu HONDA, loại xe MSX 125J, màu S: Đỏ-Đen; cho ông Trần M T1 01 xe mô tô biển số 47C1-363.31, nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE, màu S: Trắng-Đen-Bạc, 01 bản sao giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, 01 bảo hiểm xe mô tô, 01 giấy bảo hành xe và 01 giấy mua bán xe; cho ông Lê Đức V 01 điện thoại chiếc điện thoại di động nhãn hiệu XiaoMi Redmi8, dung lượng 64Gb, màu đen; cho ông Nguyễn Nhật T 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Nhật T là các chủ sở hữu, người đại diện, người quản lý hợp pháp nhận quản lý, sử dụng là phù hợp.

Các bị cáo đồng ý với lời luận tội và không tranh luận, đối đáp gì với đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B.

Tại phần lời nói sau cùng các bị cáo tỏ thái độ ăn năn, hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo được hưởng các C1h sách khoan hồng nhân đạo của pháp luật nhà nước.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay về cơ bản là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với

lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Xét hành vi của các bị cáo Trần Bảo H, Phan Long H1 lợi dụng sơ hở của chủ tài sản đã lén lút chiếm đoạt của anh Trương Sỹ H2 xe mô tô biển số 47F1-190.61, trị giá 15.000.000 đồng; bị cáo Trần Bảo H lén lút chiếm đoạt của ông Trần M T1, xe mô tô biển số 47C1-363.31, trị giá 17.266.000 đồng; Chiếm đoạt của chị Ngô Thị T số tiền 3.200.000 đồng, của chị H2 Thị B, gồm: 01 máy tính bảng Ipad 2, dung lượng 16Gb, màu bạc và 01 đồng hồ đeo tay hiệu Apple Watch Series 4, trị giá tài sản là 4.900.000 đồng; của chị Nguyễn Thị Hương G số tiền 3.200.000 đồng; của anh Lê Đức V 01 điện thoại di động hiệu Oppo F1, dung lượng 16Gb, màu vàng và 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi8, dung lượng 64 Gb, màu đen, trị giá 2.650.000 đồng. Tổng trị giá tài sản bị cáo Trần Bảo H lén lút chiếm đoạt được là 46.216.000 đồng; Trị giá tài sản bị cáo Phan Long H1 lén lút chiếm đoạt được là 15.000.000 đồng. Ngoài ra, bị cáo Trần Bảo H sau khi nhận được tài sản hợp pháp đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của anh Nguyễn Phi L chiếc xe mô tô biển số 38C1-319.61, trị giá 37.650.000 đồng.

Do đó, bị cáo Trần Bảo H phạm tội “Trộm cắp tài sản”, và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” được quy định tại khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự và khoản 1 điều 175 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo Phan Long H1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”, được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Trương Hoàng S biết rõ các tài sản là số tiền 3.200.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi8, dung lượng 64 Gb, màu đen là do bị cáo Trần Bảo H trộm cắp mà có nhưng vẫn tiêu thụ, hưởng lợi. Trong đó tổng trị giá tài sản Trương Hoàng S tiêu thụ là 5.150.000 đồng, bị cáo Nguyễn Thị Diệu H3 biết rõ tài sản là số tiền 3.200.000 đồng là do bị cáo Trần Bảo H trộm cắp mà có nhưng vẫn tiêu thụ, hưởng lợi, giá trị tài sản tiêu thụ là 3.200.000 đồng, là phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự.

#### **Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:**

*“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”*

*2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 2 năm đến 7 năm:*

*b) Có tính chất chuyên nghiệp*

#### **Điều 175 Bộ luật Hình sự quy định:**

*1. Người nào thực hiện một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm*

*hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống C1h của người bị hại hoặc tài sản có giá trị đặc biệt về mặt tinh thần đối với người bị hại, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

*a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả"*

**Điều 323 Bộ luật Hình sự quy định:**

*“1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”.*

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, không những đã chiếm đoạt trái phép tài sản của nhiều người bị hại, mà còn gây nên những ảnh hưởng rất xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo nhận thức được rằng tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật quan tâm bảo vệ, mọi hành vi chiếm đoạt trái pháp luật đều bị trừng trị nghiêm khắc. Nhưng do ý thức coi thường pháp luật và vì động cơ vụ lợi nên trong khoảng thời gian từ ngày 26/6/2020 đến ngày 15/9/2020 tại địa bàn thành phố B, thị xã B và huyện E, tỉnh Đắk Lắk, các bị cáo Trần Bảo H, Trương Hoàng S, Nguyễn Thị Diệu H3 đã thực hiện các hành vi chiếm đoạt tài sản cụ thể như sau: Ngày 27/6/2020 tại địa bàn huyện E, tỉnh Đắk Lắk, bị cáo H và H1 trộm cắp của anh Trương Sỹ H2 xe mô tô biển số 47F1-190.61, trị giá tài sản là 15.000.000 đồng; Ngày 22/7/2020 tại địa bàn thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, bị cáo Trần Bảo H đã Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của anh Nguyễn Phi L chiếc xe mô tô biển số 38C1-319.61, trị giá tài sản là 37.650.000 đồng; Ngày 23/8/2020 Trần Bảo H trộm cắp của ông Trần M T1, xe mô tô biển số 47C1-363.31, trị giá tài sản 17.266.000 đồng; Ngày 08/9/2020 tại địa bàn thành phố B, Trần Bảo H trộm cắp của chị Ngô Thị T số tiền 3.200.000 đồng; Ngày 09/9/2020 Trần Bảo H trộm cắp của chị Hoàng Thị B, gồm: 01 máy tính bảng Ipad 2, dung lượng 16Gb, màu bạc và 01 đồng hồ đeo tay hiệu Apple Watch Series 4, trị giá tài sản là 4.900.000 đồng; Ngày 14/9/2020 Trần Bảo H trộm cắp của chị Nguyễn Thị Hương G số tiền 3.200.000 đồng và ngày 15/9/2020 H trộm cắp của anh Lê Đức V các tài sản gồm: 01 điện thoại di động hiệu Oppo F1, dung lượng 16Gb, màu vàng và 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi8, dung lượng 64 Gb, màu đen, trị giá tài sản là 2.650.000 đồng. Tổng trị giá tài sản Trần Bảo H trộm cắp được là 46.216.000 đồng; Trị giá tài sản Phan Long H1 trộm cắp là 15.000.000 đồng.

Trương Hoàng S biết rõ các tài sản gồm: Số tiền 3.200.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi8, dung lượng 64 Gb, màu đen là do Trần Bảo H trộm cắp mà có nhưng vẫn tiêu thụ. Tổng trị giá tài sản Trương Hoàng S tiêu thụ là 5.150.000 đồng. Nguyễn Thị Diệu H3 biết rõ số tiền 3.200.000 đồng là do Trần Bảo H trộm cắp mà có nhưng vẫn tiêu thụ. Cho nên đối với các bị cáo cần thiết phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội, cách ly tất cả các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định. Có như vậy mới đảm bảo

phát H1 tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo và góp phần rắn đe, phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[4] Trong vụ án này có nhiều bị cáo tham gia với vai trò và tính chất khác nhau nên cần phân hóa để áp dụng mức hình phạt cho phù hợp. Đối với bị cáo Trần Bảo H phạm 02 tội, phạm tội 02 lần trở lên đối với tội trộm cắp tài sản, phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, bị cáo là người có nhân thân xấu nên đối với bị cáo cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc nhất và cao hơn các bị cáo khác. Bị cáo Phan Long H1 tham gia trộm cắp tài sản cùng bị cáo Trần Bảo H với trị giá tài sản trộm cắp là 15.000.000 đồng. Mặt khác, ngày 06/11/2012 bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm tuyên phạt 02 năm 06 tháng tù, về tội Cố ý gây thương tích, tại Bản án số: 10/2011/HSPT. Ngày 31/8/2015 chấp hành xong hình phạt tù về địa phương sinh sống bị cáo chưa được xóa án tích nhưng tiếp tục phạm tội nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “tái phạm” nên mức hình phạt đối với bị cáo cũng nghiêm khắc nhưng thấp hơn bị cáo H. Bị cáo Trương Hoàng S có 02 lần tiêu thụ tài sản do bị cáo H trộm cắp mà có, với tổng số tiền là 5.150.000 đồng, ngày 26/10/2017 bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 02 năm tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo bản án số 246/2017/HSST, chưa được xóa án tích nhưng tiếp tục phạm tội mới nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên và tái phạm quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Mặt khác, sau khi thực hiện hành vi phạm tội bỏ trốn gây khó khăn cho công tác điều tra. Bị cáo Nguyễn Thị Diệu H3 01 lần tiêu thụ tài sản do bị cáo H trộm cắp mà có với số tiền 3.200.000 đồng. Vì vậy, mức hình phạt của bị cáo H3 thấp hơn các bị cáo H, H1, S là phù hợp.

[5] Tuy nhiên, xét thấy sau khi phạm tội tại Cơ quan Điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, bị cáo H, H1 phạm tội gây thiệt hại không lớn đối với tội trộm cắp tài sản, bị cáo H3 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, người phạm tội là phụ nữ có thai. Đây là, những tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 51 của Bộ luật hình sự nên cần xem xét trong quá trình lượng hình để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt nhằm thể hiện Chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Chấp nhận việc ông Trương Sỹ H2 không yêu cầu bị cáo H, H1 bồi thường số tiền chi phí làm lại hàng rào, ổ điện khóa xe mô tô bị phá; ông Trần Chiến T đã nhận lại số tiền 3.000.000 đồng, không yêu cầu gì thêm; bà Ngô Thị T không yêu cầu bị cáo H bồi thường số tiền thuê khách sạn là 600.000 đồng; ông Phùng Hữu H không yêu cầu bị cáo H bồi thường số tiền 900.000 đồng tiền mua Ipad 2; bà Nguyễn Trần Thục L không yêu cầu bị cáo H bồi thường số tiền 1.500.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Buộc bị cáo Trần Bảo H và Phan Long H1 có trách nhiệm liên đới bồi thường cho ông Dương Hồng L số tiền 6.000.000 đồng. Được chia phần cụ thể bị cáo Trần Bảo H bồi thường số tiền 3.000.000 đồng và bị cáo Phan Long H1 bồi thường số tiền 3.000.000 đồng.

Buộc các bị cáo Trần Bảo H, Nguyễn Thị Diệu H3, Trương Hoàng S phải liên đới bồi thường cho bà Ngô Thị T số tiền là 3.200.000 đồng. Được chia phần cụ thể bị cáo Trần Bảo H bồi thường số tiền 1.067.000 đồng; bị cáo Nguyễn Thị Diệu H3 bồi thường số tiền 1.067.000 đồng và bị cáo Trương Hoàng S bồi thường số tiền 1.067.000 đồng.

Buộc bị cáo Trần Bảo H phải bồi thường cho ông Nguyễn Văn T số tiền là 15.000.000 đồng; cho ông H2 Anh D và bà Lê Thị H số tiền là 5.000.000 đồng; cho bà H2 Thị B số tiền là 4.900.000 đồng; cho bà Nguyễn Thị Hương G số tiền là 3.200.000 đồng; cho ông Lê Đức V số tiền là 1.950.000 đồng; cho ông Nguyễn Văn C số tiền là 300.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[7] Về xử lý vật chứng:

Chấp nhận việc Cơ quan điều tra trả lại: Cho ông Trương Sĩ H2 01 xe mô tô không gắn biển số, nhãn hiệu Yamaha - Exciter, màu xanh trắng, số máy: 55P1-364715, số khung: 5P10EY364702; cho ông Nguyễn Phi L 01 xe mô tô biển số 38C1-319.61, nhãn hiệu HONDA, loại xe MSX 125J, màu S: Đỏ-Đen; cho ông Trần M T1 01 xe mô tô biển số 47C1-363.31, nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE, màu S: Trắng-Đen-Bạc, 01 bản sao giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, 01 bảo hiểm xe mô tô, 01 giấy bảo hành xe và 01 giấy mua bán xe; cho ông Lê Đức V 01 điện thoại chiếc điện thoại di động nhãn hiệu XiaoMi Redmi8, dung lượng 64Gb, màu đen; cho ông Nguyễn Nhật T 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Nhật T là các chủ sở hữu, người đại diện, người quản lý hợp pháp nhận quản lý, sử dụng là phù hợp.

Xe mô tô biển số 47R1-3681, do bà Nguyễn Thị C1 là người quản lý hợp pháp, việc bị cáo Phan Long H1 dùng chiếc xe mô tô biển số 47R1-3681, đi phạm tội bà C1 không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện E không tạm giữ chiếc xe mô tô biển số 47R1-3681 và không đề cập xử lý đối với bà C1, là có căn cứ pháp luật.

Đối với biển số xe mô tô 47H1-257.06, bị cáo Trần Bảo H nhặt được trên đường đi và gắn vào xe mô tô trộm cắp. Quá trình điều tra xác định: Biển số xe mô tô 47H1-257.06 do bà Nguyễn Thị C đứng tên đăng ký. Hiện Cơ quan điều tra chưa làm việc được với bà C nên tách biển số xe mô tô 47H1-257.06, ra khỏi vụ án, tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau.

Đối với 01 tua-vít, mũi hình đẹp, dài khoảng 15cm, bị cáo Trần Bảo H nhặt được trên đường và sử dụng làm công cụ phá khóa xe mô tô trộm cắp. Sau khi phạm tội, bị cáo H cất giấu tua-vít trên tại phòng trọ trên đường Y, thành phố B. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện E, đã T hành truy tìm nhưng không thu giữ được nên không đề cập xử lý.

Đối với chứng minh nhân dân mang tên Phùng Thê M, hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, chưa làm việc được với anh M nên tách ra để tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý sau.

Đối với nam thanh niên (chưa rõ nhân thân lai lịch) bán ma túy cho bị cáo Trương Hoàng S và Trần Bảo H. Cơ quan điều tra chưa xác định rõ nhân thân lai lịch nên tách ra khỏi vụ án, tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý sau.

Đối với nam thanh niên tên Sang (chưa rõ nhân thân lai lịch) là người bị cáo H đưa chiếc điện thoại nhãn hiệu XiaoMi Redmi8, màu đen sử dụng; Người khách (chưa rõ nhân thân lai lịch) mua chiếc máy tính bảng hiệu Ipad 2, dung lượng 16Gb, màu bạc. Hiện Cơ quan điều tra chưa làm việc được với những người này nên tách ra khỏi vụ án, tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với: Huỳnh Ngọc T đã đưa Phan Long H1 đi bán xe mô tô trộm cắp biển số 47F1-190.61; Dương Hồng L đã mua xe mô tô biển số 47F1-190.61 (vụ thứ nhất); Anh Nguyễn Văn T đã cho bị cáo Trần Bảo H mượn tiền và để lại chiếc xe mô tô biển số 38C1-319.61 làm tin (vụ thứ hai); Trương H2 S và anh Hồ Ái Quốc dẫn Trần Bảo H đi bán chiếc xe mô tô trộm cắp biển số 47C1-363.31; anh Trần Chiến T cho bị cáo H mượn tiền và để lại chiếc xe mô tô biển số 47C1-363.31 làm tin, anh Hoàng Anh D và chị Lê Thị H mua lại chiếc xe mô tô biển số 47C1-363.31 (vụ thứ ba); Anh Phùng Hữu H và anh Phạm Quốc V đã mua lại chiếc máy tính bảng Ipad 2, màu bạc (vụ thứ năm); chị Nguyễn Trần Thục L đã mua lại chiếc điện thoại di động nhãn hiệu XiaoMi Redmi8, màu đen; ông Nguyễn Văn C đã nhận từ bị cáo H chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F1, màu vàng nhạ để trừ tiền phòng còn nợ (vụ thứ bảy); Anh Huỳnh Ngọc T là chủ tiệm internet nhận tiền chơi game của bị cáo H; chị Ngô Thị T là quản lý khách sạn Anh L; chị H2 Thị B là chủ nhà nghỉ Kim; chị Nguyễn Thị Hương G là chủ nhà nghỉ 999; anh Lê Đức V là quản lý nhà nghỉ H, là những người nhận tiền thuê phòng của bị cáo H và những người lái xe taxi chở các bị cáo đi. Những người trên đều không biết các tài sản trên do H phạm tội mà có. Do vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với những người này về hành vi Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, quy định tại Điều 323 Bộ luật Hình sự, là có căn cứ pháp luật.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của các bị cáo Trần Bảo H, Trương H2 S và Nguyễn Thị Diệu H3. Ngày 25/9/2020, Công an thành phố B, ra Quyết định xử phạt vi phạm hành C1h, bằng hình thức cảnh cáo theo quy định tại khoản 1, Điều 21 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013, là phù hợp.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**1.1.** Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 173, khoản 1 Điều 175, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Bảo H phạm tội: “Trộm cắp tài sản” và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Trần Bảo H 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 02 (hai) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự

Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội bị cáo Trần Bảo H phải chấp hành là 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn bắt đầu chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 20/9/2020.

**1.2.** Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Phan Long H1 (tên gọi khác: Bi Bò), phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Phan Long H1 (tên gọi khác: Bi Bò), 01 (một) năm 09 (C1) tháng tù. Thời hạn bắt đầu chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 04/7/2020.

**1.3.** Căn cứ khoản 1 Điều 323, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Trương Hoàng S (tên gọi khác: Ty), phạm tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Xử phạt: Bị cáo Trương Hoàng S (tên gọi khác: Ty), 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn bắt đầu chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 09/01/2021.

**1.4.** Căn cứ khoản 1 Điều 323, điểm i, n, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Diệu H3 phạm tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Diệu H3 09 (C1) tháng tù. Thời hạn bắt đầu chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

**2.** Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 123, Điều 131, Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587 và Điều 589 Bộ luật dân sự.

**2.1.** Chấp nhận việc ông Trương Sỹ H2 không yêu cầu bị cáo H, H1 bồi thường số tiền chi phí làm lại hàng rào, ổ điện khóa xe mô tô bị phá; ông Trần Chiến T đã nhận lại số tiền 3.000.000 đồng, không yêu cầu gì thêm; bà Ngô Thị T không yêu cầu bị cáo H bồi thường số tiền thuê khách sạn là 600.000 đồng; ông Phùng Hữu H không yêu cầu bị cáo H bồi thường số tiền 900.000 đồng tiền mua Ipad 2, bà Nguyễn Trần Thục L không yêu cầu bị cáo H bồi thường số tiền 1.500.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

**2.2.** Buộc bị cáo Trần Bảo H và Phan Long H1 có trách nhiệm liên đới bồi thường cho ông Dương Hồng L số tiền 6.000.000 đồng. Được chia phần cụ thể bị cáo Trần Bảo H bồi thường số tiền 3.000.000 đồng và bị cáo Phan Long H1 bồi thường số tiền 3.000.000 đồng.

**2.3.** Buộc các bị cáo Trần Bảo H, Nguyễn Thị Diệu H3, Trương Hoàng S phải liên đới bồi thường cho bà Ngô Thị T số tiền là 3.200.000 đồng. Được chia phần cụ thể bị cáo Trần Bảo H bồi thường số tiền 1.067.000 đồng; bị cáo Nguyễn Thị Diệu H3 bồi thường số tiền 1.067.000 đồng và bị cáo Trương H2 S bồi thường số tiền 1.067.000 đồng.



**2.4.** Buộc bị cáo Trần Bảo H phải bồi thường cho ông Nguyễn Văn T số tiền là 15.000.000 đồng; cho ông Hoàng Anh D và bà Lê Thị H số tiền là 5.000.000 đồng; cho bà H2 Thị B số tiền là 4.900.000 đồng; cho bà Nguyễn Thị Hương G số tiền là 3.200.000 đồng; cho ông Lê Đức V số tiền là 1.950.000 đồng; cho ông Nguyễn Văn C số tiền là 300.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

**3.** Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47, Điều 48 của Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

**3.1.** Chấp nhận việc Cơ quan điều tra trả lại: Cho ông Trương Sĩ H2 01 xe mô tô không gắn biển số, nhãn hiệu Yamaha - Exciter, màu xanh trắng, số máy: 55P1-364715, số khung: 5P10EY364702; cho ông Nguyễn Phi L 01 xe mô tô biển số 38C1-319.61, nhãn hiệu HONDA, loại xe MSX 125J, màu S: Đỏ-Đen; cho ông Trần M T1 01 xe mô tô biển số 47C1-363.31, nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE, màu S: Trắng-Đen-Bạc, 01 bản sao giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, 01 bảo hiểm xe mô tô, 01 giấy bảo hành xe và 01 giấy mua bán xe; cho ông Lê Đức V 01 điện thoại chiếc điện thoại di động nhãn hiệu XiaoMi Redmi8, dung lượng 64Gb, màu đen; cho ông Nguyễn Nhật T 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Nhật T là các chủ sở hữu, người đại diện, người quản lý hợp pháp nhận quản lý, sử dụng.

**4.** Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Trần Bảo H, Phan Long H11, Trương Hoàng S và Nguyễn Thị Diệu H3 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo Phan Long H1, Trương Hoàng S, Nguyễn Thị Diệu H3 mỗi bị cáo phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Trần Bảo H phải nộp 1.721.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

**Nơi nhận:**

- TAND tối cao;
- VKS TP. BMT;
- Chi cục THA TP. BMT;
- Công an TP. BMT;
- VKS tỉnh Đắk Lắk;
- TA tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu HS vụ án, VPCQ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Lê Đình Thanh**